

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ – ST

Ngày 27/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thanh Tuy.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên –Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 512/2022/TLST-DS ngày 24/11/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 29/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 14/4/2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị H N Niê, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn G, xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Y D Byă, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Buôn Buôn E, xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H N Niê trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với anh Y D Byă, chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 2000, sau đó đến ngày 15/6/2009 chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, anh Y D thường xuyên đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm của tôi và các con khiến tâm lý của các con bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bên cạnh đó anh Y D còn có tính vũ phu và nghiện rượu, uống ly bì cả ngày lẫn đêm, say rượu thì lại dùng những lời lẽ thô tục, chửi bới thậm tệ, đánh đập, rượt đuổi vợ con. Cuộc sống vợ chồng diễn ra như vậy một thời gian dài khiến tôi và các con thật sự

căng thẳng, lúc nào cũng trong tâm trạng hoang mang, lo sợ. Mặc dù đã được chính quyền địa phương, gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không giải quyết được, anh Y D năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa nhưng sau đó thì anh Y D lại vẫn chứng nào tật đó.

Do tôi không thể chịu nổi tính tình vũ phu của anh Y D nên giữa hai gia đình đã giải quyết cho vợ chồng ly hôn bằng phong tục của người Ê Đê, nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, anh Y D đã về xóm 3, buôn E B sống cùng cha mẹ ruột. Vì vậy tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Y D Byă để giải thoát cho bản thân và các con.

-Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu H Đ Niê, sinh ngày 25/11/2000 và cháu H L Niê sinh ngày 01/02/2002. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên lựa chọn sống chung với ai thì tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Y D Byă vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị H N Niê và anh Y D Byă mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị H N Niê và anh Y D Byă đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H N Niê.

+Đối với con chung: Vợ chồng chị H N Niê, anh Y D Byă có 02 con chung là cháu H Đ Niê, sinh ngày 25/11/2000 và cháu H L Niê sinh ngày 01/02/2002. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên lựa chọn sống chung với ai thì tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H N Niê được ly hôn với anh Y D Byă.

Về con chung: Các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên lựa chọn sống chung với ai thì tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Y D Byã đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị H N Niê và anh Y D Byã có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/6/2009, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu H Đ Niê, sinh ngày 25/11/2000 và cháu H L Niê sinh ngày 01/02/2002. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H N Niê và anh Y D Byã đã đến mức trầm trọng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị H N xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Bên cạnh đó chị H N Niê xác định giữa hai vợ chồng đã được giải quyết cho ly hôn theo phong tục của người dân tộc Êđê, anh Y D cũng đã về nhà bố mẹ ruột sinh sống. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H N Niê và anh Y D Byã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H N Niê, cho chị H N Niê được ly hôn với anh Y D Byã.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H N và anh Y D có 02 con chung là cháu H Đ Niê, sinh ngày 25/11/2000 và cháu H L Niê sinh ngày 01/02/2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên việc lựa chọn sống cùng ai là phụ thuộc vào nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H N Niê phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét thấy ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H N Niê.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H N Niê được ly hôn với anh Y D Byă.

-Về con chung: Chị H N Niê và anh Y D Byă có 02 con chung là cháu H Đ Niê, sinh ngày 25/11/2000 và cháu H L Niê sinh ngày 01/02/2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí:

Chị H N Niê phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016645 ngày 23/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

-TAND tỉnh Đắk Lắk;

-VKSND huyện K;

-Chi cục THADS huyện K;

-UBND xã E, huyện K;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

